

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2026
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Minh Tấn

2. Ông Hoàng Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H- sinh năm: 1991

CCCD: 060191001184, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc K- sinh năm: 1983

CCCD: 060083000670, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/5/2024.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt bà H, vắng mặt ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc K tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn số 71, ngày 02/01/2025 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng sau này trong quá trình sinh sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông K thường xuyên

chửi mắng bà và ông **Trần Quốc K** thường xuyên nhậu nhẹt đến nay đã nhiều lần bà đã cố gắng hàn gắn và thay đổi để chung sống nhưng ông **Trần Quốc K** không thay đổi.

Nay bà **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **K**; nếu tòa không giải quyết ly hôn bà **H** cũng không thể chung sống với ông **K**.

Về con chung: Bà và ông **K** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** và ông **K** không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc K trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt và không tiến hành hòa giải ngày 01/08/2026:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **K** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **H**, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà **H** yêu cầu ly hôn thì ông **K** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **K** khai ông và bà **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án tiến hành hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **H** được ly hôn với ông **K**;

Về con chung: Ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà **H** yêu cầu ly hôn ông **K** và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, quan hệ pháp luật xác định là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông **K** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **K**.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **H** và ông **K** có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày 02/01/2025 tại Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã **H**, tỉnh Lâm Đồng) nên quan hệ hôn nhân của bà **H** và ông **K** là hợp pháp.

Lý do bà **H** yêu cầu ly hôn ông **K** là giữa bà và ông **K** thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và không còn tôn trọng nhau. Ông **K** cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà **H**. Tại phiên tòa bà **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **K**.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*” và tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông **K** và bà **H** đã không còn quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà **H** là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Do ông **K**, bà **H** không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** và ông **K** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh H.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thanh H** được ly hôn ông **Trần Quốc K.**

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thanh H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 30/6/2026 bà **H** đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012275 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng nay chuyển thành án phí và sung công quỹ Nhà nước. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 36 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bà **Nguyễn Thị Thanh H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2026). Ông **Trần Quốc K** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 11 – Lâm Đồng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

